**Tiết 2: Bài 1. ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH**

**TRONG PHẠM VI 100 000 (tiết 2)**

**Ngày dạy: 10/9/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000; biết so sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự và thứ tự các số trên tia số; biết làm tròn các số đến hàng chục nghìn.

- HS thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia (tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100 000 (không nhớ và có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp); vận dụng giải bài toán thực tế, có lời văn.

- HS nhớ và nhận biết được các kí hiệu các số La Mã.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về số và phép tính trong phạm vi 100 ở các ứng dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** hình minh họa bài.

**2. Học sinh:** bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5p**  **20p**  **8p**  **2p** | **1. Hoạt động mở đầu**  - YCHS làm bảng con   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | + | 27 369 |  | 15 273 | | 34 524 | 4 | |  |  |  |  |   - GVNX, ghi đầu bài.  **2. Luyện tập**  \* Bài 5 (tr. 7). Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài vào vở  - Nhận xét.  - Gọi HS nêu các tính giá trị biểu thức, cách nhân nhẩm với 11.  \*Bài 6 (tr. 7). Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài vở, đổi chéo vở kiểm tra.  - Gọi HS đọc các số la mã vừa tìm được.  - Nhận xét chữa bài.  **3. Vận dụng, trải nghiệm**  \* Bài 7 (tr. 7). Gọi HS đọc bài toán.  + Bài toán cho biết gì ? bài toán hỏi gì ?  + Muốn biết chiếc bánh loại nào giá bán cao nhất, loại nào giá bán thấp nhất ta làm thế nào ?  - YCHS làm vở, 1 HS làm phiếu to.  - Nhận xét, chữa bài.  **4. Củng cố - nhận xét**  - Khi thực hiện tính giá trị biểu thức ta cần lưu ý gì ?  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – Ôn tập về hình học và đo lường | - HS thực hiện   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | + | 27 369 |  | 15 273 | | 34 524 | 4 | |  | **61 893** |  | **61 092** |   - Nêu YC bài  - HS làm bài vào vở, đổi chéo vở chữa bài  + Phần a nêu miệng, 3 HS làm bảng lớp phần b  a) Biểu thức cùng giá trị là :  0 + 989 cùng giá trị BT 989 + 0  (450 + 38) + 105 cùng giá trị BT 450 + (38 +105)  b) 32  (15 – 6) = 32  11 = **352**  244 – 124 : 4 = 244 – 31 = **213**  180 : (3  2) = 180 : 6 = **30**  - Biểu thức có dấu ngoặc ta thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau,...  - Nêu YC bài  - HS làm bài  - Các số còn thiếu là : VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX  - Hai em đọc.  - HS nêu  - Ta cần tính giá tiền một hộp bánh và một chiếc bánh mỗi loại rồi so sánh với nhau.  - HS làm bài và trình bày bài giải.  Bài giải  Giá tiền của 1 hộp bánh vị cam là :  36 000 : 4 = 9 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị cam là :  9 000 : 3 = 3 000 (đồng)  + Giá tiền của 1 hộp bánh vị dâu là :  50 000 : 5 = 10 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị dâu là :  10 000 : 2 = 5 000 (đồng)  + Giá tiền của 1 hộp bánh vị sô-cô-la là :  48 000 : 3 = 16 000 (đồng)  Giá tiền của một chiếc bánh vị sô-cô-la là :  16 000 : 4= 4 000 (đồng)  Vậy chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 10 000 đồng, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 4 000 đồng .  - Trả lời. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**